

NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG

• PGS.TS ĐẶNG THÀNH HƯNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Vấn đề

Trong dạy học hay đời sống người ta thường nói đến kĩ năng: kĩ năng học tập, kĩ năng giảng dạy (dạy học), kĩ năng quản lí, kĩ năng xã hội, kĩ năng giao tiếp v.v... Tuy vậy ở nhiều nguồn tài liệu vẫn có tình trạng nhầm kĩ năng với năng lực, nhầm kĩ năng với kĩ xảo, nhầm kĩ năng với kĩ thuật hành vi, thậm chí trong các tài liệu dự án về giáo dục kĩ năng sống còn gọi nhiều đức tính như lòng độ lượng, tính mục đích, lòng kiên nhẫn v.v... là kĩ năng.

Lại có nhiều ý kiến về đánh giá kĩ năng, đặc biệt khi thảo luận xây dựng các chuẩn giáo dục hiện nay đang rầm rộ. Về nguyên tắc thì không thể đánh giá được bất cứ cái gì nếu chưa nhận diện được nó. Chẳng hạn chưa bao giờ có quan niệm và chuẩn xác minh chất lượng hiệu trưởng hay chất lượng giảng viên... là gì, thì việc làm chuẩn đánh giá chất lượng đó là vô nghĩa, vì không rõ đánh giá cái gì. Cũng như vậy, không thể đánh giá kĩ năng nếu chưa xác định nó là gì và làm thế nào để nhận ra nó.

Kĩ năng là một trong những sự vật quan trọng trong dạy học, cần phải được đánh giá. Nhưng trước khi nói đến đánh giá kĩ năng, phải làm rõ chuẩn hay các tiêu chí nhận diện ra nó. Từ đó mới bàn đến cách đánh giá nó cao hay thấp, tốt hay chưa tốt, được hay chưa được hoặc đang ở trình độ nào. Những câu hỏi đại loại như: Kĩ năng là gì? Lấy căn cứ nào để phán xét rằng cá nhân có hoặc không có kĩ năng A hay B nào đó? Tại sao gọi đó là kĩ năng mà không gọi là kĩ thuật hay kĩ xảo? cho đến nay chưa thực sự có lời giải đáp thuyết phục.

2. Những tiêu chí chung nhận diện kĩ năng

2.1. Bản chất của kĩ năng

2.1.1. Kĩ năng không phải là khả năng cũng không phải là năng lực

Tương tự như tri thức, kĩ năng là hình thức biểu hiện của khả năng hay năng lực, chứ tự nó không phải là khả năng hay năng lực. Khả năng là thuộc tính cá nhân cho thấy điều người đó có thể làm được. Còn kĩ năng chính là hành vi hay hành

động được cá nhân thực hiện tự giác và thành công xét theo những yêu cầu, qui tắc, tiêu chuẩn nhất định. Đó có thể là những yêu cầu, qui tắc, tiêu chuẩn về trình tự thực hiện, về kết quả thực hiện, về tốc độ hay nhịp độ thực hiện và tính đúng đắn của hành động. Tóm lại kĩ năng chính là hành động, chứ không phải khả năng thực hiện hành động. Tuy nhiên không phải hành động nào cũng là kĩ năng. Vì vậy có thể định nghĩa khái niệm kĩ năng như sau:

Kĩ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học-tâm lí khác của cá nhân (chủ thể có kĩ năng đó) như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay qui định.

Những hành động không dựa trên tri thức và các điều kiện sinh học-tâm lí chủ quan của cá nhân thì không phải là kĩ năng, cho dù nó được thực hiện thuần thực, mà đó là thói quen, kĩ xảo hay hành vi tập tính. Những thứ này ta hay gặp ở động vật và những hành vi tự động hóa ở người. Cần nhấn mạnh rằng kĩ năng chính là cái có thật ở cá nhân, chứ không phải cái có thể có (khả năng) và cũng không phải năng lực (vì năng lực bao gồm nhiều thứ khác nữa chứ không chỉ gồm kĩ năng). Nói về mặt thực hiện, kĩ năng phản ánh năng lực làm, tri thức phản ánh năng lực nghĩ và thái độ phản ánh năng lực cảm nhận.

Năng lực (competency) là tổ hợp những hành động vật chất và tinh thần tương ứng với dạng hoạt động nhất định dựa vào những thuộc tính cá nhân (sinh học, tâm lí và giá trị xã hội) được thực hiện tự giác và dẫn đến kết quả phù hợp với trình độ thực tế của hoạt động. Trong nhiều tài liệu tâm lí và giáo dục có sự nhầm lẫn năng lực với cấu trúc tâm lí của năng lực. Khi ở hình thái tâm lí thì cá nhân chưa có năng lực mà chỉ có khả năng thôi và khả năng này có thể được phán xét dựa trên kết quả chẩn đoán. Còn năng lực là cái thể hiện ở quá trình tiến hành nhiệm vụ và kết quả công việc, và được đánh giá bằng kết quả thực hiện. Năng



lực cũng không phải là trình độ cao hơn của khả năng, như nhiều sách báo tâm lý học vẫn khẳng định. Chúng là hai phạm trù khác nhau. Khả năng là phạm trù có thể xảy ra, còn năng lực là phạm trù thực hiện trên thực tế. Năng lực và khả năng chỉ giống nhau ở chỗ chúng đều phải có những điều kiện sinh học, tâm lý và xã hội tối thiểu.

Năng lực có cấu trúc phức tạp, song những thành tố cơ bản của nó chỉ gồm tri thức, kĩ năng và hành vi biểu cảm (thái độ). Đương nhiên trong mỗi thành tố này đã tích hợp nhiều yếu tố sinh học, tâm lý và văn hóa cá nhân. Đó là các thành tố cấu trúc của năng lực, cần được phân biệt với những điều kiện của năng lực. Chẳng hạn năng lực cần có những điều kiện tâm lý bên trong như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tâm vận động, trí tuệ, những điều kiện sinh học bên trong như sức khỏe, vận động cơ thể, các giác quan..., và những điều kiện văn hóa cá nhân như định hướng giá trị, thị hiếu thẩm mỹ, thói quen hành vi xã hội...

2.1.2. Kĩ năng không phải hành động tự động hóa mà có tính linh hoạt, di chuyển được trong những hoàn cảnh khác nhau

Nhiều loại kĩ năng cụ thể qua luyện tập hoặc trải nghiệm nhiều lần hoặc lặp lại qua thời gian dài sẽ thành kĩ xảo hay thói quen. Vì vậy nói chính xác thì chúng không phải là kĩ năng, mà chỉ tạm thời là kĩ năng ở giai đoạn nhất định. Ví dụ hành vi dùng đôi đũa ăn của người lớn là kĩ xảo, thói quen, chứ không phải kĩ năng, mặc dù ở trẻ nhỏ đang ở thời kì tập ăn bằng đũa thì hành vi đó đã từng là kĩ năng. Có nhiều thứ kĩ xảo không hề phát triển từ kĩ năng, đặc biệt là các kĩ xảo bản năng. Cho nên nếu khẳng định một chiều rằng kĩ xảo là kĩ năng đã đạt trình độ tự động hóa thì sẽ là sai lầm. Chúng tôi cho rằng *những hành vi có thể trở thành kĩ xảo thì không nên gọi là kĩ năng. Tương tự, có thể nói kĩ năng là thứ hành động không bao giờ trở thành kĩ xảo cho dù được luyện tập kĩ lưỡng hoặc trải nghiệm lâu dài.*

Trong quá trình phát triển cá nhân, kĩ năng chứ không phải kĩ xảo, mới giữ vai trò lớn lao. Cá nhân phát triển dựa vào kĩ năng chứ không mấy phụ thuộc kĩ xảo. Đó là do kĩ năng có tính chất linh hoạt. Ví dụ: kĩ năng giao dịch giúp cá nhân thành thạo công việc giao dịch ở những quan hệ và hoàn cảnh khác nhau, với những đối tác khác nhau, nhằm những mục tiêu khác nhau. Cá nhân đó luôn thực hiện tốt nhiệm vụ giao dịch trong phạm vi chuyên môn của mình - đó là kĩ năng.

Không có kĩ xảo giao dịch, vì hành vi tự động hóa không bao giờ mang lại thành công trong giao dịch. Đương nhiên trong kĩ năng giao dịch như vậy có một vài thành tố thao tác là kĩ xảo, chẳng hạn như bắt tay, chào hỏi, gợi chuyện, cười xã giao... Một ví dụ khác, kĩ năng lái xe ô tô cũng có thể chứa đựng vài yếu tố hành vi là kĩ xảo, nhưng hành động lái xe không bao giờ là kĩ xảo được, vì nó luôn được kiểm soát bằng ý thức chứ không thể tự động hóa. Nếu lái xe bằng kĩ xảo thì chắc chắn gây họa.

Tính linh hoạt của kĩ năng là yếu tố quý giá trong phát triển cá nhân vì nhờ nó cá nhân trải nghiệm nhiều hoàn cảnh và hình thành nhiều phương án tư duy, hành động khác nhau nhưng đều tiến hành thành thạo loại công việc ấy và thành công. Không thể nói kĩ xảo là sự phát triển cao hơn của kĩ năng chính là vì lí do này. Có rất nhiều kĩ xảo phức tạp và tinh vi nhưng không phải là tiêu chí cho thấy sự phát triển cao của cá nhân, chẳng hạn những kĩ xảo nghề ở nhiều ngành thủ công, ở nhiều môn thể thao và nghệ thuật biểu diễn. Nếu cá nhân dừng lại ở những kĩ xảo thì điều đó có nghĩa người đó đóng khung mình lại trong phát triển. Họ phải thay đổi kĩ xảo, dựa vào đó để học kĩ năng mới làm công cụ phát triển và nhờ những kĩ năng mới để vượt lên tầm hoạt động mới hiệu quả hơn.

2.2. Cấu trúc của kĩ năng

Mọi kĩ năng đều có cấu trúc chung như nhau, chỉ nội dung cụ thể của mỗi thành tố cấu trúc đó mới có sự khác biệt tùy theo đó là kĩ năng nào. Là một dạng hành động nên kĩ năng bao gồm hệ thống thao tác (kĩ thuật cấu thành hành động), trật tự tổ chức và thực hiện các thao tác đó, các hành vi và quá trình thực hiện hành vi điều chỉnh, nhịp độ và cơ cấu thời gian thực hiện hành động. Một số sách báo truyền thống xem tri thức và kết quả hành động cũng là thành tố cấu trúc của kĩ năng. Quan điểm này là sai lầm. Tri thức không nằm trong kĩ năng mà là điều kiện mà chủ thể phải có để hình thành và kiểm soát kĩ năng của mình. Kết quả hành động không nằm trong kĩ năng mà nằm trong hiệu quả của kĩ năng.

2.2.1. Hệ thống thao tác được tổ chức linh hoạt

Kĩ năng cấu thành từ một số thao tác và chúng được tổ chức thành hệ thống nhất định. Ví dụ kĩ năng thiết kế bài giảng gồm những thao tác hay kĩ thuật như phân tích nội dung, xác định mục tiêu,

lựa chọn phương pháp luận và phương tiện, học liệu, trình bày giáo án, lập kế hoạch thời gian (tiến độ), phát triển các công cụ giảng dạy v.v... Mỗi kĩ năng sẽ bao hàm số lượng tối thiểu và tính chất cụ thể của các thao tác hay kĩ thuật hành vi. Nếu thiếu thao tác thì đó là kĩ năng chưa đầy đủ nội dung.

2.2.2. Trình tự logic của quá trình thực hiện các thao tác

Trình tự này qui định trật tự các thao tác. Tuy vậy đó không phải qui trình cứng nhắc mà sẽ thay đổi theo hoàn cảnh, điều kiện sử dụng kĩ năng của cá nhân. Trình tự có thể có nhiều qui trình khác nhau, tương ứng với những hoàn cảnh, trường hợp hành động khác nhau. Đó chính là các phương án thực hiện kĩ năng tùy theo tình huống cụ thể, nhưng bảo đảm logic chung. Nếu lộn xộn về logic thì hành động chưa hẳn đã là kĩ năng, mà đang trong quá trình hình thành, hoặc đã hình thành nhưng thiếu thuần thực.

2.2.3. Các quá trình điều chỉnh hành động

Mọi kĩ năng đều bao hàm một vài quá trình xử lí thông tin, đánh giá và điều chỉnh ngay trong tiến trình hành động. Chính thành tố này là căn bản để phân biệt kĩ năng và kĩ xảo, thói quen khi chúng diễn ra có vẻ giống nhau. Vì vậy người ta nói kĩ năng luôn được ý thức kiểm soát. Các quá trình điều chỉnh có thể gồm những cử chỉ, những hành vi thử và sai, những kĩ thuật đo lường và chỉnh lí nội dung cũng như trình tự logic của hành động.

2.2.4. Nhịp độ thực hiện và cơ cấu thời gian

Kĩ năng luôn được hạn định trong khuôn khổ thời gian nào đó và vì vậy nó tuân theo nhịp độ thực hiện hành động nhất định. Khi tiêu chí này chưa rõ ràng thì chúng ta khó nhận diện kĩ năng, vì bản thân kĩ năng đó chưa có tồn tại cụ thể, vẫn còn rời, kém hợp lí và thiếu hiệu quả thực tế. Nghĩa là chủ thể vẫn còn hành động mò mẫm chứ chưa thực sự có kĩ năng.

2.3. Những điều kiện tâm sinh lí tối thiểu của kĩ năng

2.3.1. Nhu cầu

Nhu cầu cho biết cá nhân chính là chủ sở hữu kĩ năng, phân biệt với hành vi thành thạo nhưng thoát li nhu cầu. Nếu chưa thấy cá nhân thể hiện nhu cầu, có thể nghi ngờ rằng kĩ thuật hành vi đó là thói quen do bắt chước và luyện tập nhiều lần, chứ không phải kĩ năng của chính người đó. Có thể hành vi này là kĩ năng của người khác nhưng người kia bắt chước được và lặp lại rất giỏi.

2.3.2. Ý chí

Kĩ năng luôn ít nhiều dựa vào ý chí cá nhân. Nếu hành vi diễn ra tự động hoàn toàn như hệ thống máy móc thì đó là kĩ xảo, thói quen chứ không phải kĩ năng. Tiến trình thực hiện kĩ năng luôn có thách thức và do vậy có sự can thiệp của ý chí và kèm theo mồ hôi nữa.

2.3.3. Tình cảm

Tình cảm là điều kiện bên trong quan trọng của kĩ năng. Một việc làm cho dù thành thạo và đạt kết quả nhưng vô cảm thì không phải là kĩ năng, mà chỉ là thói quen hoặc kĩ xảo. Vì thế chúng ta cảm nhận khác nhau khi chứng kiến những pha trình diễn nghệ thuật hay thể thao... Cũng là những động tác có mức thành thạo và kết quả như nhau nhưng trường hợp này là nghệ thuật (kĩ năng) còn trường hợp kia là kĩ thuật (kĩ xảo), và người ta đánh giá cao mức độ biểu cảm của kĩ năng.

2.3.4. Tâm vận động

Tâm vận động quyết định trực tiếp mức độ thành thạo của kĩ năng, mặc dù nó không phải thành phần kĩ năng mà chỉ là điều kiện. Khi điều kiện này kém thì chủ thể thực hiện thao tác sai hoặc thiếu chính xác, không bảo đảm nhịp độ cần thiết và hợp lí.

2.3.5. Tri thức và trí tuệ

Tri thức và trí tuệ là điều kiện cần thiết đến mức lâu nay nhiều người tưởng lầm chúng là thành phần của kĩ năng. Không có điều kiện này rõ ràng cá nhân không thể học và có được kĩ năng. Khi nhận diện kĩ năng cần tìm hiểu cá nhân có tri thức và nền tảng trí tuệ tương ứng không. Nếu thực hiện công việc thành thạo mà không hiểu gì và không giải thích được việc mình làm thì việc làm đó không thể hiện kĩ năng, mà chỉ phản ánh thói quen hành vi hoặc kĩ xảo mà cá nhân có được.

3. Tiêu chí chung đánh giá kĩ năng

Để đánh giá kĩ năng nói chung, có thể căn cứ vào những tiêu chí khác nhau và dựa vào thang điểm nhất định để xác định trình độ phát triển hiện tại của kĩ năng ở cá nhân. Ví dụ nếu không tính trọng số thì mỗi tiêu chí dưới đây chiếm 20% chất lượng của kĩ năng chuẩn (đáp ứng chuẩn qui định), và nếu cá nhân đạt tối đa ở mỗi tiêu chí thì kĩ năng của người đó đạt 100% chất lượng qui định. Việc cho điểm hay xếp hạng thì không thực sự quan trọng. Điều quan trọng hơn là quan niệm thế nào về tầm quan trọng của mỗi tiêu chí này



để phát triển thang đánh giá phù hợp. Mỗi tiêu chí được đo qua một vài chỉ số thực hiện thấy được trong tiến trình hành động.

3.1. Tính đầy đủ của nội dung và cấu trúc của kĩ năng

1. Số lượng những thao tác cần thiết mà cá nhân thực hiện.

2. Số lượng những thao tác thừa song không ảnh hưởng đến nội dung cần thiết của kĩ năng.

3. Tính tối giản của việc tổ chức những thao tác này trong hành động.

3.2. Tính hợp lí về logic của kĩ năng

4. Trình tự sắp xếp việc thực hiện các thao tác có hợp lí tối đa không hoặc có phù hợp cao với nhiệm vụ cụ thể lúc đó không.

5. Tính hợp lí của việc phân chia thời gian và nhịp độ thực hiện từng thao tác và thực hiện cả hành động.

3.3. Mức độ thành thạo của kĩ năng

6. Tần số những thao tác hay hành vi sai, hoặc không đúng chuẩn kĩ năng đã định.

7. Tỷ lệ lặp lại (thừa) của các thao tác, cử chỉ, hành vi thực hiện đúng.

8. Mức độ hoàn thiện của những thao tác đúng mẫu.

3.4. Mức độ linh hoạt của kĩ năng

9. Tính chất phân kì của tổ chức các thao tác, tức là cùng số lượng thao tác nhưng có thể biến đổi trình tự và nội dung theo nhiều phương án.

10. Tính chất thay thế được hay biến đổi của một số thao tác trong kĩ năng khi chuyển sang hoàn cảnh khác (tính mở)

11. Tính lưu loát (ít vấp vấp) của từng thao tác và của cả hành động xét từ đầu đến khi kết thúc hành động.

3.5. Hiệu quả của kĩ năng

12. Số lượng và chất lượng của sản phẩm do kĩ năng mang lại.

13. Tỷ số giữa kết quả và chi phí nguồn lực.

14. Tác dụng của kĩ năng trong sự phát triển cá nhân.

15. Mức độ trùng khớp giữa kết quả đạt được và mục tiêu hành động.

Tóm lại, có thể dựa vào 5 tiêu chí chung, bao gồm 15 chỉ số thực hiện để đánh giá trình độ hình thành và phát triển của kĩ năng nào đó ở cá nhân theo nhiều góc độ. Nội dung những yêu cầu hay biến số trong các chỉ số sẽ phụ thuộc vào việc chúng ta đánh giá kĩ năng nào, trong lĩnh vực hay nhiệm vụ cụ thể nào.

4. Kết luận

4.1. Để nhận diện kĩ năng nào đó ít nhất phải căn cứ vào những tiêu chí tối thiểu như bản chất chung của kĩ năng (phân biệt với khả năng và năng lực, có tính linh hoạt), nội dung và các thành phần cấu trúc của kĩ năng, và những điều kiện tâm sinh lí tối thiểu bảo đảm cá nhân thực sự có kĩ năng.

4.2. Để đánh giá kĩ năng, hoặc chính xác hơn là đánh giá trình độ phát triển kĩ năng, cần phải căn cứ vào những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của nó như mức độ đầy đủ của nội dung và cấu trúc, tính hợp lí của trình tự logic, mức độ thành thạo của hành động, tính linh hoạt và phạm vi di chuyển được của kĩ năng, và tiêu chí quan trọng nhất - tính hiệu quả của kĩ năng (kết quả, hiệu suất, lợi ích, tác dụng...).

4.3. Khi nhận diện và đánh giá bất kì kĩ năng cụ thể nào cũng cần sử dụng những tiêu chí chung này. Tuy nhiên tính chất của mỗi tiêu chí sẽ thay đổi tùy theo tính chất cụ thể của kĩ năng đó. Những vấn đề tiếp theo cần nghiên cứu là mô tả cụ thể những nhiệm vụ đòi hỏi những kĩ năng tương ứng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thành Hưng, *Hệ thống kĩ năng học tập hiện đại*. Tạp chí Giáo dục, số 2/78, 2004.
2. Đặng Thành Hưng, *Phát triển chương trình dựa vào chuẩn nghề nghiệp trong giáo dục giáo viên*. Tạp chí Khoa học Đại học Thái Nguyên 2006.
3. Steve Garrett. *Competency Mapping: What Is It and How It Can Be Done by Individuals*. UK, 2002.
4. Canadian Society of Nutrition Management, *Professional Performance Competencies*. CSNM National Office - 1370 Don Mills Road, Suite 300, Toronto, Ontario., 2008.
5. Cormier, Sherry & Harold Hackney, *Counseling Strategies and Interventions*, 5th Edition. Allyn & Bacon, USA, 1999.
6. Jonathan Silverman, *Why study Communications skills?* Cambridg University, UK, 2003.

SUMMARY

Skill identification and assessment is addressed by this article. For skill identification the author proposes 3 criteria: nature, structure and minimum psychological conditions of skills. The 5 criteria for skill assessment are: completeness of content and structure, logical rationality, skill level, flexibility and effectiveness of skill.